

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2020/DS-ST  
Ngày: 16-9-2020  
*V/v Tranh chấp hợp đồng góp hui*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Giao

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Minh Triển
2. Ông Ngô Phúc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thị P, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ X, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thị Thúy N (Nguyễn Thị H), sinh năm 1980 (vắng mặt)  
Đoàn Công T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ Y, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Văn M, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ X, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong quá trình tố tụng, bà Trần Thị P trình bày: Chị Nguyễn Thị Thúy N tham gia dây hui 5.000.000 đồng/tháng (năm triệu đồng/tháng) do bà P làm chủ hui, khai hui vào ngày 06/01/2018 Âm lịch, dây hui gồm 25 phân, chị N tham gia 1

phần hội lấy tên là Nguyễn Thị H (theo tên thường gọi) và hốt hội vào ngày 06/3/2018 Âm lịch được số tiền 86.260.000 đồng (tám mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng). Sau khi hốt hội, chị N đóng hội đến ngày 06/7/2019 Âm lịch thì ngưng, còn nợ lại bà P số tiền 32.500.000 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng). Trong quá trình tham gia hội, chồng chị N là anh Đoàn Công T cũng biết và có lần bà đến nhà chị N lấy tiền hội thì chị N kêu anh T đưa tiền đóng hội, do đó bà yêu cầu chị N và anh T cùng trả cho bà số tiền hội còn nợ.

Tại đơn khởi kiện ngày 04/02/2020 gửi Tòa án, bà P khởi kiện Nguyễn Thị H và Đoàn Công C, do khi tham gia hội và hốt hội chị N đều ký tên và ghi họ tên là Nguyễn Thị H. Khi xảy ra tranh chấp về số tiền chơi hội, được Ban áp T hòa giải thì chị H cũng trình bày tên Nguyễn Thị H. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án xác minh giải quyết thì phát hiện chị H tên thật là Nguyễn Thị Thúy N tên thường gọi là Nguyễn Thị H. Còn ông Đoàn Công C tên đúng là Đoàn Công T, do tiếng địa phương nên bà P nghĩ lầm là Đoàn Công C. Do đó, bà Phụng thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy N và anh Đoàn Công T cùng trả cho bà số tiền hội còn nợ là 32.500.000 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 06/7/2019 âm lịch (nhằm ngày 06/8/2019 dương lịch) cho đến khi kết thúc vụ kiện.

\* Tại các phiên hòa giải, chị Nguyễn Thị Thúy N (Nguyễn Thị H) trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của bà P là chị có tham gia một phần hội trong đây hội 5.000.000 đồng/tháng (năm triệu đồng/tháng), khai ngày 06/01/2018 Âm lịch do bà Trần Thị P làm chủ hội. Ngày 06/3/2018 Âm lịch chị hốt hội được số tiền 86.260.000 đồng (tám mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng), chị xác nhận có ký tên vào danh sách hội. Chị đóng hội chết cho bà P đầy đủ đến tháng 7/2019 Âm lịch thì ngưng do chị buôn bán không được, không có đủ thu nhập để tiếp tục đóng hội cho bà P. Chị thừa nhận chị còn nợ bà P số tiền hội là 32.500.000 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng), chị đồng ý trả nợ cho bà P nhưng cho chị được trả dần 300.000 đồng/10 ngày cho đến khi hết số tiền 32.500.000 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, khi chị tham gia hội thì chồng chị là anh Đoàn Công T không biết do chị giấu chồng. Số tiền hốt hội chị sử dụng vào việc cá nhân và xoay vốn buôn bán trái cây. Sau buổi hòa giải ngày 03/3/2020, chị có nói cho anh T biết việc chị nợ tiền hội của bà P, ông M số tiền 32.500.000 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng), anh T đồng ý cùng trả nợ với chị. Tuy nhiên anh chị không có đủ tiền trả một lần cho bà P ông M; đến khoảng ngày 08/6/2020, anh chị trả trước 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), sau đó xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ. Đối với yêu cầu tính lãi suất, anh chị xin được bỏ lãi suất.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà P. Ông và bà P là vợ chồng. Bà P sử dụng tiền của vợ chồng để tổ chức các đây hội, tên chủ hội được ghi vào danh sách hội là 5 M. Khi chị N (H) hốt hội nhưng không đóng hội chết, vợ chồng ông phải vay tiền để góp thay phần hội của chị N (H). Do đó, ông yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy N (Nguyễn Thị H) và anh Đoàn Công T cùng trả cho vợ chồng ông số tiền hội còn

nợ là 32.500.000 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 06/7/2019 Âm lịch (nhằm ngày 06/8/2019 Dương lịch) cho đến khi kết thúc vụ kiện.

\* Đồng bị đơn ông Đoàn Công T không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ngày 04/8/2020, Tòa án có đến nhà ông T để lấy lời khai nhưng ông T không có mặt tại nhà.

\* Tại biên bản xác minh ngày 04/8/2020, ông Lê Nhựt L – Trưởng Ban áp T xã V, huyện C, tỉnh An Giang xác nhận: Gia đình bà Thúy N và ông T hiện nay kinh tế chủ yếu là bán trái cây, bà N có tham gia chơi hụi thêm.

\* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông M trình bày: Tại biên bản hòa giải ngày 03/3/2020, chị N (H) trình bày sẽ trả trước cho ông bà 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) vào ngày 08/6/2020 nhưng chị N vẫn không thực hiện. Do đó, ông bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu độc lập, yêu cầu chị N và anh T cùng trả cho ông bà số tiền 32.500.000 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng), tuy nhiên về lãi suất, ông bà thay đổi yêu cầu về thời gian tính lãi suất, yêu cầu mức lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày mãn hạn là ngày 06/12/2019 Âm lịch (nhằm ngày 31/12/2019 Dương lịch) đến ngày xét xử là ngày 16/9/2020, tương đương 8,5 tháng.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có văn bản trình bày ý kiến bổ sung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử và nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định tại Bộ Luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, buộc chị N và anh T có nghĩa vụ trả cho bà P và ông M số tiền 32.500.000đ (ba mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng) và chấp nhận thay đổi yêu cầu về thời gian tính lãi suất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

*[1.1] Xác định bị đơn:* Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Trần Thị P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn M có yêu cầu khởi kiện chị Nguyễn Thị H và anh Đoàn Công C và đã được Tòa án thụ lý vụ án. Nhưng hiện nay ông bà đã biết tên thật của H là Nguyễn Thị Thúy N và ông C tên chính xác là Đoàn Công T nên ông bà khởi kiện yêu cầu Nguyễn Thị Thúy N (tên gọi khác là Nguyễn

Thị H) và Đoàn Công T liên đới trả cho ông bà số tiền hội còn nợ. Tại biên bản xác minh ngày 04/8/2020, Công an xã V, huyện C, tỉnh An Giang xác nhận: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1980 là cùng một người, trong đó tên Nguyễn Thị Thúy N là tên trong giấy chứng minh nhân dân và tên Nguyễn Thị H là tên thường gọi bên ngoài. Ông Đoàn Công T, sinh năm 1979 và ông Đoàn Công C, sinh năm 1979 là cùng một người, lý do phát âm theo tiếng địa phương nên người dân có sự nhầm lẫn giữa chữ “tr” và chữ “ch”. Tại biên bản xác minh ngày 04/8/2020, ông Lê Nhựt L – Trưởng Ban ấp Tân Thành, xã V, huyện C, tỉnh An Giang xác nhận: Bà Nguyễn Thị Thúy N có tham gia dây hội do bà Trần Thị P làm chủ hội, khi tham gia hội, bà N lấy tên gọi ở ngoài là Nguyễn Thị H nên khi tranh chấp bà P có làm đơn yêu cầu Ban ấp hòa giải, trong biên bản ghi tên Nguyễn Thị H do trong tờ tường trình của bà P kiện bà Nguyễn Thị H. Như vậy đã đủ cơ sở để xác định tên chính xác của bị đơn trong vụ kiện là Nguyễn Thị Thúy N (tên thường gọi Nguyễn Thị H) và Đoàn Công T.

[1.2] *Quan hệ pháp luật tranh chấp*: Căn cứ vào đơn khởi kiện, đối chiếu quy định của pháp luật tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thì vụ án có quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp hội.

[1.3] *Thẩm quyền giải quyết*: Nguyễn Thị Thúy N (Nguyễn Thị H) và Đoàn Công T hiện đang có đăng ký hộ khẩu tại ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[1.4] *Sự có mặt của các đương sự*: Đối với bị đơn được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

## [2] *Về nội dung tranh chấp*:

Thời điểm bà P, ông M và chị N, anh T xác lập dây hội đang tranh chấp vào ngày 06/01/2018 Âm lịch (nhằm ngày 21/02/2018 Dương lịch) và thời gian kết thúc dây hội vào ngày 06/12/2019 Âm lịch (nhằm ngày 31/12/2019 Dương lịch), như vậy dây hội được xác lập trước ngày Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 có hiệu lực (là ngày 05/4/2019) nhưng đang được thực hiện có nội dung và hình thức khác với quy định của Nghị định 19/2019/NĐ-CP và các thành viên không thỏa thuận sửa đổi, bổ sung nội dung và hình thức phù hợp với Nghị định 19/2019/NĐ-CP nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ áp dụng Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường để giải quyết. Theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 thì bà P, ông M và chị N đều đủ điều kiện làm thành viên hội, chủ hội, giao dịch hội giữa thể hiện bằng văn bản và có nội dung thỏa thuận về hội không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét khi xảy ra tranh chấp.

Căn cứ vào lời trình bày của bà Trần Thị P, ông Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị Thúy N và các chứng cứ đã được các đương sự cung cấp và Tòa án đã thu thập xác định được: Chị Nguyễn Thị Thúy N có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng/tháng do vợ chồng bà Trần Thị P, Nguyễn Văn M (5 M) làm chủ hụi, khai hụi vào ngày 06/01/2018 Âm lịch, dây hụi gồm 25 phần, chị N tham gia 1 phần hụi (trong danh sách hụi ghi là cô H - Nguyễn Thị H) và hốt hụi vào ngày 06/3/2018 Âm lịch được số tiền 86.260.000 đồng (tám mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng). Sau khi hốt hụi, chị N đóng hụi đến ngày 06/7/2019 Âm lịch thì ngưng, còn nợ lại bà P, ông M số tiền 32.500.000 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng) nên phải có trách nhiệm trả cho bà P và ông M số tiền còn nợ là phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy, tuy anh T không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà P và ông M nhưng tại biên bản hòa giải ngày 03/3/2020, chị N thừa nhận số tiền hốt hụi chị sử dụng vào việc cá nhân và xoay vốn buôn bán trái cây. Tại biên bản xác minh ngày 04/8/2020, Trưởng Ban áp T, xã V xác nhận kinh tế chủ yếu của chị N và anh T là buôn bán trái cây, như vậy chị N đã sử dụng số tiền hốt hụi từ bà P để sử dụng vào việc mua bán nhằm kiếm tiền đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Như vậy, căn cứ quy định tại Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc anh T phải có trách nhiệm liên đới cùng chị N trả số tiền nợ hụi còn thiếu là 32.500.000 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng) cho bà P và ông M.

Đối với phần lãi do chậm trả nợ hụi: Chị N và anh T xin được bỏ lãi suất, bà P và ông M không đồng ý, yêu cầu tính lãi suất từ ngày 06/7/2019 Âm lịch, tuy nhiên tại phiên tòa bà P và ông M tự nguyện thay đổi về thời gian tính lãi suất chỉ yêu cầu tính lãi suất từ ngày mãn hụi là ngày 06/12/2019 Âm lịch (nhằm ngày 31/12/2019 Dương lịch), sự thay đổi này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được lãi suất, do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006, Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố, theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm (0,75%/tháng). Do đó, chị N và anh T phải có nghĩa vụ trả cho bà P và ông M số tiền lãi từ ngày 06/12/2019 Âm lịch (nhằm ngày 31/12/2019 Dương lịch) đến ngày xét xử là ngày 16/9/2020, tương đương 8,5 tháng là  $32.500.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 8,5 \text{ tháng} = 2.071.875 \text{ đồng}$  (hai triệu không trăm bảy mươi một ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

*[3] Về án phí sơ thẩm:*

- Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bị đơn phải chịu án phí đối với khoản tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là  $34.571.875 \text{ đồng} \times 5\% = 1.728.594 \text{ đồng}$  (một triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn năm trăm chín mươi bốn đồng).



cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Quyền kháng cáo:* Bà Trần Thị P, ông Nguyễn Văn M có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/9/2020). chị Nguyễn Thị Thúy N (Nguyễn Thị H), anh Đoàn Công T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Giao**